

MÔ HÌNH DU LỊCH LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG ĐAN ĐÓ THÔN TẮT VIÊN, XÃ TÂN HƯNG, TỈNH HƯNG YÊN

DƯƠNG THỊ TÌNH^{1,*} - ĐỖ THỊ HÒA NHÃ¹ - NGUYỄN THỊ THU HÀ²

¹Khoa Kinh tế số, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên
Faculty of Digital Economics, University of Economics and Business Administration,
Thai Nguyen University

²Khoa Marketing và Du lịch, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh,
Đại học Thái Nguyên;
Faculty of Marketing and Tourism,
University of Economics and Business Administration, Thai Nguyen University

*Email: duongthitinh@tueba.edu.vn

Ngày nhận bài: 1/6/2026

Ngày sửa bài: 19/6/2026

Ngày duyệt đăng bài: 3/7/2026

Tóm tắt:

Làng nghề truyền thống đan đống thôn Tắt Viên, xã Tân Hưng, tỉnh Hưng Yên là một trong những làng nghề truyền thống tiêu biểu còn duy trì được quy mô sản xuất lớn và lưu giữ nhiều giá trị văn hóa truyền thống. Nghiên cứu tập trung xây dựng mô hình du lịch làng nghề gắn với bảo tồn nghề đan đống, phát huy các giá trị văn hóa bản địa và tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng. Kết quả cho thấy, mô hình đã đạt được kết quả tích cực cả về doanh thu và nâng cao nhận thức của người dân về bảo tồn nghề đan đống truyền thống kết hợp với phát triển du lịch. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để phát triển du lịch làng nghề và nhân rộng các mô hình du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn văn hóa truyền thống tại tỉnh Hưng Yên.

Từ khóa: du lịch làng nghề, đan đống, Tắt Viên, du lịch nông thôn, bảo tồn văn hóa, Hưng Yên.

A tourism model for the traditional fish-trap weaving craft village in Tat Vien hamlet, Tan Hung commune, Hung Yen Province

Abstract:

Tat Vien hamlet's traditional fish-trap weaving village has maintained large-scale production while preserving valuable local cultural traditions. This study develops a craft village tourism model combining traditional craft preservation, local cultural promotion, and sustainable livelihood creation. Secondary data, household surveys, descriptive statistics, comparative analysis, and value-added indicators were employed to assess the model. The results indicate positive economic outcomes from fish-trap production and tourism activities, together with improved community awareness of cultural preservation. Experiential activities include weaving demonstrations, traditional fishing practices, and photography with handicraft products. However, the model remains limited in scale, digital communication, tourism services, and product diversification. The findings provide a practical basis for expanding craft village tourism and replicating community-based tourism models associated with traditional cultural preservation in Hung Yen province.

Keywords: craft village tourism, fish-trap weaving, Tat Vien, rural tourism, cultural preservation, Hung Yen.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm qua, du lịch làng nghề đã được Đảng và Nhà nước quan tâm phát triển như một giải pháp quan trọng nhằm bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, tạo sinh kế cho người dân nông thôn và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương theo hướng bền vững. Tại tỉnh Hưng Yên, loại hình du lịch được khai thác và phát triển chủ yếu là du lịch tâm linh gắn với các di tích lịch sử - văn hóa. Tuy nhiên, việc phát triển làng nghề gắn với du lịch nhằm gia tăng giá trị kinh tế, văn hóa và xã hội cho các làng nghề truyền thống vẫn còn nhiều hạn chế. Hiệu quả khai thác du lịch làng nghề chưa cao, chưa hình thành được nhiều tuyến du lịch ổn định và có sức hấp dẫn đối với du khách.

Xuất phát từ những tiềm năng và yêu cầu thực tiễn nêu trên, việc xây dựng và triển khai “Mô hình du lịch làng nghề truyền thống đan dó thôn Tất Viên, xã Tân Hưng, tỉnh Hưng Yên” là cần thiết. Kết quả của mô hình sẽ là cơ sở thực tiễn quan trọng để nhân rộng và phát triển các mô hình du lịch làng nghề tại địa phương trong thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin

Phương pháp thu thập thông tin: Thu thập những dữ liệu liên quan đến quá trình nghiên cứu của đề tài đã được công bố chính thức từ Niên giám thống kê của Cục Thống kê tỉnh Hưng Yên; các đề án, văn bản của UBND tỉnh Hưng Yên; các báo cáo từ các sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND Huyện Tiên Lữ (cũ).

Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp: Điều tra, khảo sát, đánh giá, thu thập thông tin về thực trạng phát triển du lịch làng nghề của 30 thành viên hộ dân sản xuất sản phẩm dó tại địa phương.

Phương pháp tổng hợp, phân tích thông tin: sử dụng phương pháp thống kê mô tả, thống kê so sánh và phân tích giá trị gia tăng sản phẩm để mô tả thực trạng, đánh giá tiềm năng triển vọng của mô hình hiệu quả sản xuất, tiêu thụ khi gắn với du lịch của sản phẩm dó.

2.2. Hệ thống các chỉ tiêu nghiên cứu

Bài báo sử dụng hệ thống các chỉ tiêu nghiên cứu sau:

- Giá trị sản xuất (GO: Gross Output): Toàn bộ giá trị sản phẩm dó được tạo ra trong quá trình sản xuất. Do chỉ tiêu được tính toán trên 1 sản phẩm nên hệ số này chính là giá bán bình quân của sản phẩm.
- Chi phí trung gian (IC: Intermediate Cost): Thể hiện toàn bộ chi phí vật chất thường xuyên trong quá trình sản xuất (bao gồm: tiền công, tre nứa, dụng cụ, điện, nước, vật tư khác).

Ngoài ra, bài nghiên cứu còn sử dụng các chỉ tiêu: Giá trị gia tăng ($VA = GO - IC$), lợi nhuận gộp ($GPr = VA - \text{Chi phí thuê lao động}$), lãi ròng - NPr ($NPr = GPr - \text{Chi phí khấu hao công cụ, dụng cụ}$) và các hệ số GO/IC , VA/IC , MI/IC .

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Tiềm năng du lịch làng nghề tỉnh Hưng Yên

Với vị trí địa lý thuận lợi cho phát triển du lịch làng nghề: Hưng Yên nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, tiếp giáp Hà Nội và có hệ thống giao thông thuận tiện giúp du khách dễ dàng thực hiện các chuyến du lịch đến các làng nghề. Hệ thống làng nghề truyền thống phong phú, bề dày văn hóa lịch sử và nguồn tài nguyên du lịch đặc sắc. Trên địa bàn tỉnh hiện có 64 làng nghề với 288 doanh nghiệp, 17 hợp tác xã, 18 tổ hợp tác và trên 18.000 hộ gia đình tham gia hoạt động sản xuất trong các nhóm nghề khác nhau. Đây được xem là một trong những hướng đi quan trọng nhằm bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

Bảng 1. Số lượng các làng nghề, làng nghề truyền thống tỉnh Hưng Yên

Nội dung	2023		2024	
	Số lượng (làng nghề)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (làng nghề)	Tỷ lệ (%)
Tổng Làng nghề	62	100	64	100
Làng nghề được UBND tỉnh công nhận	45	72,6	47	73,4
Làng nghề truyền thống	8	17,7	8	17,0
Làng nghề	37	82,3	39	83,0
Làng nghề chưa được UBND tỉnh công nhận	17	24,4	17	26,6

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên (2025)

Tiềm năng xây dựng các tuyến du lịch làng nghề liên vùng: Với vị trí nằm trên hành lang du lịch đồng bằng sông Hồng, Hưng Yên có thể kết nối các làng nghề với: Hà Nội (Bát Tràng, Vạn Phúc), Hải Phòng, Bắc Ninh, Ninh Bình. Đặc biệt, các tuyến du lịch văn hóa ven sông Hồng và du lịch Phố Hiến - làng nghề được đánh giá có nhiều triển vọng phát triển trong tương lai.

3.2. Lựa chọn xây dựng mô hình du lịch làng nghề truyền thống đan dó thôn Tất Viên, xã Tân Hưng, tỉnh Hưng Yên

Làng nghề đan dó thôn Tất Viên, xã Tân Hưng, tỉnh Hưng Yên hội tụ đầy đủ các yếu tố về giá trị truyền thống, khả năng phát triển du lịch, tiềm năng thương mại hóa sản phẩm và thuận lợi trong kết nối tuyến điểm du lịch liên vùng. Từ đó, lựa chọn và xây dựng mô hình hộ gia đình ông Phạm Văn Bảo làm chủ thể mô hình, có sản xuất nhiều sản phẩm dó, có tiềm năng phát triển, có diện tích xây dựng mô hình. Đây là một trường hợp điển hình về phát triển mô hình kinh tế - du lịch kết hợp, phù hợp với mục tiêu dài hạn của chiến lược phát triển du lịch nông thôn bền vững.

3.2.1. Hiệu quả kinh tế từ hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm dó

Trên cơ sở số liệu khảo sát thực tế và tính toán sơ bộ, nhóm nghiên cứu sử dụng một số chỉ tiêu kinh tế cơ bản gồm: Giá trị sản xuất (GO), Chi phí trung gian (IC), Giá trị tăng thêm (VA), Thu nhập hỗn hợp (MI), cùng với các chỉ số hiệu quả sử dụng chi phí như GO/IC, VA/IC và MI/IC. Các chỉ tiêu này được tính trung bình theo đơn vị sản phẩm đối với hoạt động đan dó - rọ. Kết quả chi tiết được trình bày trong bảng dưới đây.

Bảng 2. Hiệu quả kinh doanh của hộ làm nghề đan dó sau khi được hỗ trợ

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	SX sản phẩm (tính BQ/ sản phẩm)		
			Đó	Rọ	Bình quân
	Sản lượng	SP, lượt	6000	4800	-
1	Giá trị sản xuất (GO)	Nghìn đồng	30	20	25,56
2	Chi phí trung gian (IC)	Nghìn đồng	8.5	6.5	7,61
3	Giá trị tăng thêm (VA)	Nghìn đồng	21.5	13.5	17,95
4	Thu nhập hỗn hợp (MI)	Nghìn đồng	21.5	13.5	17,95

5	Hiệu quả kinh tế				
	- GO/IC	Lần	3.53	3.08	3,36
	-VA/IC	Lần	2.53	2.08	2,36
	-MI/IC	Lần	2.53	2.08	2,36

(Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp, tính toán từ số liệu điều tra)

Kết quả phân tích cho thấy, hoạt động sản xuất các sản phẩm đan dó của hộ gia đình anh Phạm Văn Bạo đạt hiệu quả kinh tế tương đối cao. Chi phí trung gian (IC) bình quân đạt 7,61 nghìn đồng/sp; Giá trị tăng thêm (VA) bình quân đạt 17,95 nghìn đồng/sp, GO/IC bình quân đạt 3,36 lần, nghĩa là 1 đồng chi phí trung gian tạo ra 3,36 đồng giá trị sản xuất, phản ánh hiệu quả sử dụng chi phí cao, đảm bảo hoạt động sản xuất có lãi.

3.2.2. Đánh giá hoạt động du lịch làng nghề truyền thống đan dó, rọ

Làng nghề truyền thống đan dó, rọ truyền thống thôn Tất Viên, xã Tân Hưng tỉnh Hưng Yên không chỉ hội tụ các yếu tố văn hóa đặc sắc mà còn sở hữu tiềm năng lớn để khai thác du lịch làng nghề nhờ vị trí thuận lợi, cảnh quan đặc trưng, và lịch sử hình thành nghề gắn bó lâu đời với đời sống cư dân đồng bằng sông Hồng. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển làng nghề gắn với du lịch có vai trò quan trọng để phát huy ưu thế phát triển.

Yếu tố thương hiệu sản phẩm được cho là ảnh hưởng nhiều nhất đến sự thành công của mô hình kết hợp với du lịch với làng nghề, bởi đây chính là điểm mạnh, là thương hiệu của làng nghề, tạo ra điểm nhấn, đặc biệt, tăng khả năng cạnh tranh của làng nghề. Cụ thể về hoạt động du lịch, hộ gia đình anh Phạm Văn Bạo đã bắt đầu triển khai mô hình du lịch trải nghiệm từ năm 2022 tại khu nhà cổ ở xóm Bắc Viên - một không gian mang đậm nét văn hóa kiến trúc truyền thống của vùng đồng bằng sông Hồng.

Bảng 3. Các hoạt động du lịch trải nghiệm tại mô hình

Nội dung trải nghiệm	Mô tả hoạt động	Mức độ thu hút
1. Hướng dẫn đan dó, rọ	Du khách được hướng dẫn cách vót nan, tạo khung, đan thành phẩm đơn giản	Trung bình
2. Thực hành bắt cá bằng dó tại ao vườn	Tái hiện cách đánh bắt truyền thống bằng dó dưới sự hướng dẫn của người dân địa phương	Cao
3. Chụp ảnh với sản phẩm thủ công	Sử dụng dó, rọ làm đạo cụ hoặc bối cảnh chụp ảnh mang tính nghệ thuật, dân dã	Trung bình - cao

Lượng khách du lịch tại mô hình có sự biến động theo mùa khá rõ rệt, gắn trực tiếp với điều kiện thời tiết và mức độ phù hợp của từng hoạt động trải nghiệm. Giai đoạn tháng 3-5 và 9-11 là thời điểm có lượng khách cao nhất trong cả 3 năm do thời tiết mát mẻ, cảnh quan mùa xuân và mùa thu tạo phong nền đẹp cho hoạt động chụp ảnh - nội dung thu hút nhiều du khách nhất theo khảo sát.

Bảng 4. Doanh thu từ hoạt động du lịch của hộ gia đình

Năm	Số lượt du khách	Doanh thu ước tính (đồng)	Tốc độ tăng trưởng doanh thu (%)
2023	180 lượt	19.000.000	—
2024	200 lượt	82.000.000	+200
2025	300 lượt	105.000.000	-33,3

Các hộ gia đình chưa khai thác các kênh truyền thông hiện đại như Facebook, Zalo, YouTube hay TikTok mà vẫn phụ thuộc chủ yếu vào giới thiệu truyền miệng. Mặt khác, mô hình trải nghiệm còn đơn giản, chưa có nhiều hoạt động mới, chưa đầu tư vào hệ sinh thái dịch vụ đi kèm như điểm chụp ảnh chuyên nghiệp, khu trưng bày sản phẩm, dịch vụ giải khát, bán sản phẩm lưu niệm...

3.3. Đánh giá chung về thành công, hạn chế của mô hình du lịch làng nghề truyền thống đan dó thôn Tất Viên, xã Tân Hưng

3.3.1. Kết quả đạt được

Thứ nhất, mô hình đã góp phần nâng cao nhận thức của người dân nhận thức rõ hơn vai trò của việc bảo tồn nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch, từ đó chủ động tham gia các hoạt động bảo tồn và giới thiệu nghề đến du khách.

Thứ hai, mô hình đã tạo thêm nguồn thu nhập cho các hộ sản xuất và cộng đồng địa phương từ các dịch vụ trải nghiệm nghề, hướng dẫn tham quan, bán sản phẩm lưu niệm.

Thứ ba, các giá trị văn hóa của làng nghề được quảng bá rộng rãi hơn thông qua các hoạt động truyền thông, giới thiệu sản phẩm và góp phần nâng cao hình ảnh và thương hiệu của làng nghề đan dó Tất Viên trong và ngoài tỉnh.

Thứ tư, mô hình đã xây dựng được một số sản phẩm du lịch trải nghiệm thực hành các công đoạn đan lát, tìm hiểu lịch sử hình thành nghề và mua sắm sản phẩm thủ công truyền thống.

Thứ năm, mô hình góp phần tăng cường sự liên kết giữa người dân, chính quyền địa phương, cơ sở đào tạo và các đơn vị hỗ trợ phát triển du lịch.

3.3.2. Hạn chế

Thứ nhất, quy mô hoạt động du lịch còn nhỏ, lượng khách tham quan chưa ổn định và chủ yếu là các đoàn khách trải nghiệm theo chương trình hỗ trợ. Mô hình chưa hình thành được nguồn khách thường xuyên và chưa tạo được sức hút mạnh trên thị trường du lịch.

Thứ hai, cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch làng nghề còn hạn chế. Hệ thống biển chỉ dẫn, bãi đỗ xe, khu trưng bày sản phẩm, điểm đón tiếp khách và các dịch vụ hỗ trợ du lịch chưa được đầu tư đồng bộ, ảnh hưởng đến chất lượng trải nghiệm của du khách.

Thứ ba, sản phẩm du lịch làng nghề còn đơn điệu, chủ yếu tập trung vào tham quan và trải nghiệm nghề đan dó.

Thứ tư, công tác quảng bá, xúc tiến du lịch chưa thực sự chuyên nghiệp. Việc ứng dụng công nghệ số, mạng xã hội và kết nối với các doanh nghiệp lữ hành còn hạn chế, dẫn đến khả năng tiếp cận thị trường khách du lịch chưa cao.

Thứ năm, nguồn lực đầu tư cho phát triển du lịch làng nghề còn hạn chế, chủ yếu dựa vào sự hỗ trợ của các chương trình, dự án. Do đó, tính bền vững và khả năng mở rộng quy mô mô hình trong thời gian tới vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

3.4. Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện và nhân rộng mô hình du lịch làng nghề truyền thống đan dó thôn Tất Viên, xã Tân Hưng

Thứ nhất, hoàn thiện cơ sở hạ tầng và không gian du lịch làng: xây dựng bãi đỗ xe, biển chỉ dẫn, điểm đón tiếp khách và khu trưng bày, giới thiệu sản phẩm làng nghề. Đồng thời, cải thiện cảnh quan môi trường, xây dựng các tuyến đường xanh, sạch, đẹp nhằm nâng cao chất lượng điểm đến du lịch.

Thứ hai, đa dạng hóa sản phẩm du lịch làng: kết hợp tổ chức các hoạt động trải nghiệm văn hóa nông thôn, ẩm thực địa phương, trò chơi dân gian và giao lưu với nghề nhân nhằm tạo ra các sản phẩm du lịch đặc sắc, nâng cao sức hấp dẫn của làng nghề.

Thứ ba, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch cộng đồng: Tổ chức các lớp tập huấn cho người dân về kỹ năng đón tiếp khách, hướng dẫn tham quan, thuyết minh về lịch sử và giá trị văn hóa của nghề đan dó. Đồng thời, nâng cao năng lực quản lý, tổ chức hoạt động du lịch cộng đồng.

Thứ tư, đẩy mạnh quảng bá và xúc tiến du lịch làng nghề: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quảng bá du lịch thông qua mạng xã hội, video giới thiệu, sàn thương mại điện tử và các nền tảng du lịch trực tuyến.

Thứ năm, phát triển các sản phẩm thủ công phục vụ du lịch: Nghiên cứu thiết kế các sản phẩm lưu niệm có kích thước nhỏ, mẫu mã đa dạng, phù hợp với nhu cầu của khách du lịch nhưng vẫn giữ được nét đặc trưng của nghề đan dó truyền thống.

Thứ sáu, tăng cường liên kết phát triển du lịch: Đẩy mạnh liên kết giữa làng nghề với các điểm du lịch văn hóa, tâm linh và sinh thái trên địa bàn tỉnh Hưng Yên để hình thành các tuyến du lịch hấp dẫn.

4. Kết luận

Mô hình du lịch làng nghề truyền thống đan dó thôn Tất Viên, xã Tân Hưng, tỉnh Hưng Yên đã bước đầu khai thác hiệu quả các giá trị văn hóa, kinh tế và xã hội của nghề đan dó truyền thống gắn với phát triển du lịch nông thôn. Kết quả thực hiện mô hình cho thấy, việc kết hợp giữa bảo tồn nghề thủ công truyền thống với các hoạt động trải nghiệm du lịch không chỉ góp phần quảng bá hình ảnh làng nghề, nâng cao nhận thức của cộng đồng về gìn giữ di sản văn hóa mà còn tạo thêm cơ hội việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương. Mặc dù vẫn còn những hạn chế nhưng đã khẳng định tính khả thi và tiềm năng phát triển bền vững trong thời gian tới. Mô hình là cơ sở thực tiễn quan trọng để nhân rộng phát triển du lịch làng nghề trên địa bàn tỉnh ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Phạm Hồng Long và Lê Thị Huyền Trang (2024). Phát triển du lịch làng nghề truyền thống: Cơ sở lý luận, thực tiễn và bài học kinh nghiệm. Tạp chí Dân tộc học và Tôn giáo học, 6, 53. <https://vjol.info.vn/tapchivientantochoe/en/article/view/108600/91205/>

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên (2025). Báo cáo số 152/BC-SNNMT ngày 5/6/2025 về Tổng kết thực hiện Đề án mỗi xã một sản phẩm tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2020-2025 phương hướng đến năm 2030;

UBND tỉnh Hưng Yên (2021). Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 21/01/2021 về phát triển làng nghề tỉnh Hưng Yên năm 2021.

UBND tỉnh Hưng Yên (2022). Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 11/02/2022 về phát triển làng nghề tỉnh Hưng Yên năm 2022.

UBND tỉnh Hưng Yên (2023). Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 10/02/2023 về bảo tồn và phát triển làng nghề tỉnh Hưng Yên năm 2023.

UBND tỉnh Hưng Yên (2024). Kế hoạch số 195/KH-UBND ngày 28/12/2023 về bảo tồn và phát triển làng nghề tỉnh Hưng Yên năm 2024.

UBND tỉnh Hưng Yên (2025). Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 07/01/2025 về bảo tồn và phát triển làng nghề tỉnh Hưng Yên năm 2025.